TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST
Ngày 16/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

2. Ông Nguyễn Văn Đạt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Phước L, sinh năm: 1983, tại: Tân Châu, An Giang. Số CMND: 351498015; nơi ĐKHKTT: ấp Phú Tâm, xã A, huyện T, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: ấp Tân Điền, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phát Hoàng và bà Đỗ Thị X; bị cáo có vợ tên Lê Thị Hồng Loan, có 02 con lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2019, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Ông Lê Văn N, sinh năm: 1963. Nơi cư trú: ấp Tân Điền, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Phạm Văn V, sinh ngày 28/3/2006. Nơi cư trú: ấp Hòa Lạc, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của Phạm Văn V:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1988 là mẹ ruột của V. Nơi cư trú: ấp Hòa Lạc, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

2/ Bà Đỗ Thị X, sinh năm: 1953. Nơi cư trú: ấp Tân Điền, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

3/ Bà Đỗ Thị K, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: ấp Nam Quý, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

4/ Ông Lý Văn L, sinh năm: 1986. Nơi cư trú: ấp Tân Điền, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

5/ Ông Trương Văn Q, sinh năm: 1966. Nơi cư trú: ấp Tân Điền, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

6/ Ông Quảng Văn T, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: ấp Tân Điền, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/12/2019, Phạm Văn V đi một mình lẻn vào ghe của bà Đỗ Thị K đang neo đậu tại tổ 6, ấp Tân Điền, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang trộm cắp 02 chỉ vàng 24k và số tiền 450.000 đồng thì bị phát hiện và bắt giữ. Sau đó, V đã khai nhận nhiều lần khác trộm cắp tài sản cùng với Nguyễn Phước L, cơ quan công an đã mời L về trụ sở làm việc và tại đây L đã thừa nhận hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 20/11/2019, L đã cùng với V điều khiển vỏ máy của L chạy dọc theo tuyến kênh thuộc xã H, huyện K để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến nhà ông Lê Văn N tại tổ 6, ấp Tân Điền, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang, phát hiện nhà ông N không có người trông giữ, nên cả 02 đậu vỏ máy dưới sông, L ở dưới vỏ canh chừng cảnh giới cho V, còn V đột nhập vào nhà lấy 02 bình ắc quy gồm 01 bình hiệu GS 70 ampe, 01 bình hiệu Dongnai 100 ampe. Sau khi lấy xong cả 02 vận chuyển xuống vỏ máy, V chở L về nhà, còn V đem bình ắc quy bán cho người dân xiệc cá (không rõ họ tên, địa chỉ) được 1.000.000 đồng, V đưa cho L 500.000 đồng, còn 500.000 đồng V giữ tiêu xài cá nhân. Vào khoảng 15 giờ ngày 28/11/2019, cũng với hành vi và thủ đoạn như trên, V đã lẻn vào nhà ông N lấy trộm số tiền 6.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền V nói dối là chỉ lấy được 4.500.000 đồng và đưa cho L giữ, còn V thì giữ lại 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra trong tháng 11/2019, V và L còn lấy trộm 03 lần được tổng cộng 80 lít dầu Diesel, trong đó lấy trộm của anh Lý Văn L 30 lít, anh Trương Văn Q 20 lít, anh Quảng Văn T 30 lít.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/BKL-HĐĐGTS, ngày 17/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, kết luận:

- 01 (Một) bình ắc quy hiệu GS 70 ampe, đã qua sử dụng có giá trị là 1.366.000 đồng;

- 01 (Một) bình ắc quy hiệu Dongnai 100 ampe, đã qua sử dụng có giá trị là 1.833.000 đồng;

- 80 (Tám mươi) lít dầu Diesel có giá trị là 1.316.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Phước L gồm có: Tiền Việt Nam 5.000.000 đồng; 80 lít dầu Diesel; 01 chiếc vỏ hiệu Composite, màu xanh trắng, rộng 0,83m, dài 7,7m, đã qua sử dụng; 01 cái máy hiệu Yokohama, màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, đã qua sử dụng.

Vật chứng thu giữ của Phạm Văn V gồm có: Tiền Việt Nam 1.950.000 đồng; 02 chỉ vàng 24k.

Vật chứng không thu giữ được: 02 bình ắc quy.

Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKSKL, ngày 05/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn Phước L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra bị cáo đã biết ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bồi thường tất cả thiệt hại, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi trộm cắp 80 lít dầu Diesel của L, xét thấy giá trị chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự, nên không xử lý.

Đối với Phạm Văn V đã có hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên cơ quan công an đã lập hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất và mức độ của hành vi mà bị cáo gây ra; căn cứ vào tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước L phạm tội trộm cắp tài sản.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Phước L, tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị không khấu trừ thu nhập của bị cáo do bị cáo không có thu nhập và công việc ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường giá trị 02 bình ắc quy cho ông N số tiền là 3.200.000 đồng. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đã trao trả cho bà Đỗ Thị K 02 chỉ vàng 24k và số tiền 450.000 đồng. Trao trả cho anh Lý Văn L 30 lít dầu Diesel, anh Trương Văn Q 20 lít dầu, anh Quảng Văn T 30 lít dầu. Trao trả cho ông Lê Văn N số tiền 6.000.000 đồng. Trả lại cho L số tiền bị cáo giao nộp còn thừa là 500.000 đồng.

Đề nghị tịch thu, sung công 01 chiếc vỏ hiệu Composite, màu xanh trắng, rộng 0,83m, dài 7,7m, đã qua sử dụng. 01 cái máy hiệu Yokohama, màu đen, đã qua sử dụng.Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Phước L tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 20/11/2019, L cùng với Phạm Văn V đã có hành vi trộm cắp 02 bình ắc quy của ông Lê Văn N có tổng giá trị là 3.199.000 đồng. Ngày 28/11/2019, L cùng V lại tiếp tục trộm cắp của ông N số tiền 6.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.199.000 đồng.

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo L đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…."*. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị báo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đối với hành vi trộm cắp của Phạm Văn V do tại thời điểm phạm tội V chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên đề nghị cơ quan công an xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm nhưng với bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội 02 lần chở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình, giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về vật chứng trong vụ án: Ghi nhận việc cơ quan công an đã trả lại cho bà Đỗ Thị K 02 chỉ vàng 24k và số tiền 450.000 đồng. Trả lại cho ông Lê Văn N số tiền 6.000.000 đồng. Trả lại 80 lít dầu Diesel cho các ông Lý Văn L ông Trương Văn Q, ông Quảng Văn T. Trả lại cho L số tiền bị cáo giao nộp còn thừa là 500.000 đồng.

01 chiếc vỏ hiệu Composite, màu xanh trắng, rộng 0,83m, dài 7,7m, đã qua sử dụng; 01 cái máy hiệu Yokohama, màu đen, đã qua sử dụng, bị cáo đã dùng làm phương tiện, công cụ cho việc phạm tội nên xét tịch thu, sung công. Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, đã qua sử dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho ông Lê Văn N giá trị 02 bình ắc quy là 3.200.000 đồng. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên miễn xét.

[8] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, riêng về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo L được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là chưa phù hợp, xét bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài sản, trong đó có 02 lần đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp. Vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước L 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục xong, không ai có yêu cầu gì khác nên miễn xét.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung công 01 chiếc vỏ hiệu Composite, màu xanh trắng, rộng 0,83m, dài 7,7m, đã qua sử dụng. 01 cái máy hiệu Yokohama, màu đen, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng.

Vật chứng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang theo quyết định chuyển giao vật chứng số 08/QĐ-VKSKL, ngày 05/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K và biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/3/2020.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Công an H. K;
- VKSND H. K;
- Chi cục THADS H. K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Pho